

HOÀN NHỊ TRẦN

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Dung dịch đối chiếu (1): Lấy 1,2 g Ngưu bàng tử (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ethanol* (TT), đun sôi hồi lưu trong cách thủy 1 h, lọc. Bóc hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT), lọc được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu (2): Lấy 1,2 g Cam thảo (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch đối chiếu (1).
Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *acid sulfuric loãng* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

E. Định tính Kim ngân (hoa)

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi triển khai: *n-Hexan - ethyl acetat* (8 : 2).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Liên kiều.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1,2 g hoa Kim ngân (mẫu chuẩn), thêm 10 ml *ethanol* (TT), ngâm trong 2 h, thỉnh thoảng lắc. Lọc, lấy dịch lọc cô trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch *vanilin 2 % trong acid sulfuric* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Để nơi khô, mát, trong lọ kín.

Công năng, chủ trị

Tân lương giải biểu, thanh nhiệt giải độc. Chủ trị: Cảm mạo phong nhiệt kèm phát sốt, sợ phong hàn nhức đầu, ho, khô miệng, họng đau.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 đến 3 lần, uống với nước sắc Lô căn hoặc nước đun sôi còn ấm.

HOÀN NHỊ TRẦN

Công thức

Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	200 g
Bán hạ chế (<i>Pinelliae Rhizoma Praeparatum</i>)	200 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	120 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	60 g

Bào chế

Bán hạ: Được chế biến theo chuyên luận riêng. Có thể dùng Bán hạ nam (*Typhonium trilobatum*).

Trần bì: Bỏ màng trắng, thái chỉ, vi sao hoặc sao vàng.

Tán bốn vị thuốc trên thành bột mịn, rây qua rây số 355 và trộn đều. Ngoài ra, lấy 40 g Gừng tươi già, giã nát, thêm lượng nước thích hợp, vắt lấy nước. Lấy dịch nước gừng trộn với bột thuốc nói trên để bào chế thành hoàn theo phương pháp ghi trong chuyên luận “Thuốc hoàn”.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1. 11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn màu nâu tro đến màu nâu vàng; mùi thơm nhẹ; vị ngọt, hơi cay.

Định tính

A. Soi kính hiển vi thấy: Các sợi nấm không màu của Bạch linh, các sợi mang tinh thể calci oxalat của Cam thảo. Các mảnh mạch điểm của Trần bì, các mảnh mạch xoắn của Bán hạ. Có đối chiếu với bột Bạch linh, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ chuẩn.

B. Lấy 2 g chế phẩm đã nghiền thành bột mịn, cho vào ống nghiệm, thêm 7 ml *ethyl acetat* (TT). Lắc đều. Đun nóng trên cách thủy 5 min. Lọc, cho dịch lọc vào 3 ống nghiệm nhỏ, mỗi ống 1 ml.

Ống 1: Thêm ít bột *magnesi* (TT) và cho từ từ *acid hydrochloric* (TT) dọc theo thành ống nghiệm, đun nóng nhẹ. Xuất hiện màu tím hồng.

Ống 2: Thêm vài giọt dung dịch *natri hydroxyd 10 %* (TT), xuất hiện màu vàng cam.

Ống 3: Thêm vài giọt dung dịch *sắt (III) clorid 5 %* (TT), xuất hiện màu xanh đen.

C. Định tính Trần bì.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Dùng *Silica gel G* và dung dịch *natri hydroxyd 0,5 %* để tráng bản mỏng.

Dung môi khai triển:

Hệ 1: *Ethyl acetat - methanol - nước* (100 : 17 : 13).

Hệ 2: *Toluen - ethyl acetat - acid formic - nước* (20 : 10 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột chế phẩm, thêm 30 ml *methanol* (TT), đun hồi sôi lưu trong cách thủy 30 min, để nguội, lọc, cô dịch lọc còn khoảng 5 ml làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan hesperidin chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch bão hòa.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 2 µl mỗi dung dịch trên.

Triển khai sắc ký với hệ 1 đến khi dung môi đi được 3 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Tiếp tục triển khai sắc ký với hệ 2 đến khi dung môi đi được 8 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Phun dung dịch *nhôm clorid 1 %* [Hòa tan 1 g *nhôm clorid* (TT) trong *ethanol 96 %* (TT) vừa đủ 100 ml], sấy bản mỏng ở

100 °C trong 5 min. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với vết hesperidin trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Cam Thảo

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Dùng *Silica gel G* và dung dịch *natri hydroxyd* 1 % để tráng bản mỏng.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - acid formic - acid acetic băng - nước* (15 : 1 : 1 : 2), lắc lấy lớp trên.

Dung dịch thử: Lấy 10 g bột chế phẩm, thêm 40 ml *ether* (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy trong 1 h, để nguội, lọc lấy cặn, thêm 50 ml *methanol* (TT) và đun sôi hồi lưu 1 h, để nguội, lọc. Bay hơi dịch lọc đến cạn. Hòa tan cặn trong 40 ml *nước* và chiết bằng *n-butanol bão hòa nước* (TT) 3 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa với *nước* 3 lần, mỗi lần 20 ml, bỏ nước rửa, bay hơi dịch chiết đến cạn và hòa tan cặn trong 5 ml *methanol* (TT) làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu (1): Hòa tan amoni glycyrrhizat chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 2 mg/ml.

Dung dịch đối chiếu (2): Lấy 1 g bột rễ Cam thảo (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun dung dịch *acid sulfuric* 10 % trong *ethanol* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (2) và trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết amoni glycyrrhizat trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (1).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 20 g bột chế phẩm, cho vào túi giấy lọc, đặt vào dụng cụ Soxhlet, loại tạp bằng *ether dầu hỏa* (30 °C đến 60 °C) (TT) trong 4 h. Sau đó tải bột cho bay hơi hết *ether dầu hỏa*. Tiếp tục cho bã chế phẩm vào trong bình Soxhlet và chiết bằng *ethanol* 70 % (TT) cho đến khi hết flavonoid (dịch chiết không màu). Lấy dịch chiết, thu hồi dung môi dưới áp suất giảm. Thêm 10 ml đến 20 ml *nước cất* nóng vào cặn, khuấy cho tan. Lọc. Lắc dịch lọc với *ethyl acetat* (TT) đến hết flavonoid (5 lần mỗi lần 5 ml). Gộp dịch *ethyl acetat*, cất thu hồi dung môi, cặn thu được cho bay hết *ethyl acetat* rồi đem sấy ở nhiệt độ 70 °C cho tới khối lượng không đổi. Cân cặn và tính kết quả. Hàm lượng flavonoid toàn phần không ít hơn 1,0 %.

Độ ẩm

Không quá 9,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, sấy ở 60 °C đến 70 °C; 4 h).

Bảo quản

Để nơi khô, mát, trong đồ đựng kín.

Công năng, chủ trị

Táo thấp, trừ đờm, lý khí, hòa vị. Chủ trị: Ho, đờm nhiều, ngực và thượng vị trướng tức, buồn nôn, nôn.

Cách dùng, liều lượng

Uống ngày 2 lần, uống mỗi lần từ 9 g đến 15 g.

HOÀN NINH KHÔN

Ninh khôn chí bảo hoàn

Công thức

A giao (<i>Corii Asini Colla</i>)	25 g
Mộc hương (<i>Saussureae lappae Radix</i>)	25 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	50 g
Ngưu tất (<i>Achyranthis bidentatae Radix</i>)	200 g
Bạch thược (<i>Paeoniae Radix Alba</i>)	50 g
Ô dược (<i>Linderae Radix</i>)	50 g
Bạch truật (<i>Atractylodis macrocephalae Rhizoma</i>)	50 g
Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	50 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	150 g
Sa nhân (<i>Amomi Fructus</i>)	25 g
Đảng sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	40 g
Sinh địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix</i>)	50 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	50 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	50 g
Hoàng cầm (<i>Scutellariae Radix</i>)	25 g
Tô diệp (<i>Perillae frutescens Folium</i>)	25 g
Hồ phách (<i>Succinum</i>)	25 g
Trầm hương (<i>Aquilariae Lignum Resinatum</i>)	50 g
Hương phụ chế giấm (<i>Cyperi Rhizoma Praeparatum</i>)	50 g
Xuyên khung (<i>Chuanxiong Rhizoma</i>)	50 g
Ích mẫu (<i>Leonuri japonici Herba</i>)	300 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Đương quy, Ích mẫu, Xuyên khung: đồ chín, thái lát, sao vàng, sấy khô. A giao thái mỏng, sao với vãn cáp cho phồng lên. Thục địa, Hương phụ chế theo chuyên luận riêng và sấy khô. Các dược liệu còn lại rửa sạch, loại bỏ tạp chất, thái lát, sấy khô. Tất cả các vị thuốc được tán thành bột mịn, trộn đều thành bột kép, rây qua rây số 180. Trộn bột kép với mật ong luyện cho mềm nhuyễn, cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 200 g mật luyện. Chia thành các viên hoàn 3 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu đen bóng, mềm nhuận, thơm mùi dược liệu, vị ngọt, hơi đắng và cay. Khối lượng mỗi hoàn 3 g.

Định tính

A. Định tính Bạch linh: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi